

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 24 – 02 – 2023

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cánh Nha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Lan H**; Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 096 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S (Bà H vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Ông **Đoàn Duy H**; Sinh năm 1972.

Nơi đăng ký HKTT: Số 096 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S

Nơi tạm trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan H trình bày:

Bà với ông Đoàn Duy H tổ chức lễ cưới vào năm 1995 nhưng đến năm 2013, ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 228 ngày 13 tháng 12 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống ở số 096 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S.

Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, bỏ mặc gia đình, không lo cho vợ con. Hai người đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, bà H với ông H có hai con chung là Đoàn Nguyễn Thiên K, sinh ngày 10/10/1996 và Đoàn Nguyễn Duy H, sinh ngày 21/11/2000.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị Lan H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Duy H.

- Về con chung: Bà H và ông H có hai con chung là Đoàn Nguyễn Thiên K, sinh ngày 10/10/1996 và Đoàn Nguyễn Duy H, sinh ngày 21/11/2000. Cả hai đã thành niên và có khả năng lao động lo cho cuộc sống bản thân nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đoàn Duy H không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 240/TB-TLVA ngày 28 tháng 11 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Đoàn Duy H nhưng ông Đoàn Duy H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Đoàn Duy H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đoàn Duy H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lan H ly hôn với ông Đoàn Duy H. Về con chung: Cả hai người con chung của bà H và ông H đã trưởng thành, có khả năng lao động lo cho cuộc sống bản thân và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Lan H và ông Đoàn Duy H đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông H mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà H và ông H.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Đoàn Duy H. Về con chung, hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có. Do ông H vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Lan H với ông Đoàn Duy H là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Hôn nhân của hai người trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, bỏ mặc gia đình, không lo cho vợ con. Hai người đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà Nguyễn Thị Lan H yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Duy H là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà H với ông H có hai con chung là Đoàn Nguyễn Thiên K, sinh ngày 10/10/1996 và Đoàn Nguyễn Duy H, sinh ngày 21/11/2000. Cả hai đã thành niên và có khả năng lao động lo cho cuộc sống bản thân, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà H yêu cầu nên bà H phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan H.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lan H được quyền ly hôn với ông Đoàn Duy H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lan H với ông Đoàn Duy H có hai con chung là Đoàn Nguyễn Thiên K, sinh ngày 10/10/1996 và Đoàn Nguyễn Duy H, sinh ngày 21/11/2000. Cả hai đã thành niên và có khả năng lao động lo cho cuộc sống bản thân, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Lan H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Lan H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004174 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Nguyễn Thị Lan H đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã T, huyện T, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân